

# CHUẨN VÀ SỰ CỤ THỂ HOÁ THANG PHÂN LOẠI BLOOM TRONG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN NGỮ VĂN CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

• TS. NGUYỄN THUY HỒNG

*Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục*

## 1. Chuẩn trong đánh giá kết quả học tập (KQHT) của HS (HS)

Chuẩn trong đánh giá là những yếu tố cơ sở tham chiếu (được hiểu là yêu cầu cơ bản, tối thiểu cần đạt) để dẫn tới một sự đánh giá. Một chuẩn bao giờ cũng gồm một số chỉ số cụ thể, giúp lượng hoá (đo đếm) được những gì cần đánh giá ở đối tượng. Chuẩn là yếu tố có tính chất thông tin, cho phép quyết định trong đối tượng được đánh giá đó có (hay không có) những phẩm chất nào đó.

Trong giáo dục, chuẩn đánh giá KQHT chính là mục tiêu giáo dục đã được cụ thể hoá trên các phương diện kiến thức (KT), kĩ năng (KN), thái độ (TĐ) sao cho có thể đo lường được chính xác KQHT của HS. Hay nói khác đi nó chính là những yêu cầu cơ bản, tối thiểu của mục tiêu giáo dục mà người học cần đạt được. Kinh nghiệm cho thấy đánh giá sẽ bớt sai sót và bớt mang tính ngẫu nhiên khi các mục tiêu giáo dục được cụ thể hóa và được thông báo đến HS. Người ta căn cứ theo mục tiêu học tập cố định (những yêu cầu cơ bản cần đạt về KT, KN, TĐ) để định ra chuẩn và căn cứ theo chuẩn để đánh giá KQHT của HS. Chuẩn càng cụ thể, càng lượng hoá được thì các tiêu chí đánh giá càng cụ thể, chính xác và càng dễ đánh giá. Tùy theo từng nội dung học tập sẽ có các chuẩn khác nhau. Thí dụ có chuẩn của từng môn học (Toán, Lí, Hoá, Ngữ văn, Địa lí...). Trong từng môn học lại có chuẩn cho từng cấp học (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông...) chuẩn của từng học phần (phần Văn học dân gian, phần văn học trung đại...), chuẩn của từng bài (bài Luyện tập tóm tắt một tác phẩm nghị luận, bài Đọc hiểu văn bản Bến quê...).

Nói đến chuẩn là phải đề cập đến việc lượng hoá các mục tiêu giáo dục. Hiện nay chương trình các môn học ở Việt Nam đang sử dụng thang phân loại của Bloom (Blooms Taxonomi) để lượng hoá các mục tiêu giáo dục làm căn cứ xây dựng chuẩn tối thiểu môn học. Đây là điều

hợp lí vì thang phân loại của Bloom được thiết kế nhằm phục vụ cho mục tiêu đánh giá và trọng tâm là đánh giá nội dung dạy học. Tuy nhiên, việc sử dụng thang phân loại Bloom có những mặt mạnh và mặt hạn chế nhất định. Trước hết có thể thấy rằng các mục tiêu của từng môn học trong nhà trường Việt Nam thường được cụ thể hoá thành 3 miền đo là KT, KN và TĐ, nhưng thang phân loại Bloom mới chỉ cụ thể hoá được 2 miền đo là KT theo thang nhận thức (Cognitive Domain Taxonomy) và TĐ theo thang xúc cảm (Affective Domain Taxonomy) và không có thang đo miền KN (Skillbased Domain Taxonomy).

Theo kết quả nghiên cứu của B.S.Bloom và các đồng nghiệp ở trường Đại học Chicago Hoa Kì (Các vấn đề về đánh giá giáo dục, Dự án Việt Bỉ hỗ trợ học từ xa, HN, 2000), lĩnh vực tri thức có thể chia thành 6 mức độ:

- Biết (knowledge) là khả năng nhớ và nhắc lại được những KT đã nhớ mà chưa cần phân tích, giải thích hay sử dụng những KT đó (nhớ các định nghĩa, thuật ngữ, các sự việc, sự kiện đặc biệt, biết cách sắp xếp, cấu thành các đơn vị...).

- Thông hiểu (comprehension) là khả năng chuyển đổi, giải thích, cắt nghĩa, sắp xếp, diễn đạt những KT đã biết theo những yêu cầu khác nhau, hoặc theo một quan điểm mới, một trật tự mới.

- Vận dụng (application) là khả năng vận dụng những KT đã học để giải quyết các yêu cầu, nhiệm vụ, tình huống mới; phải di chuyển KT từ bối cảnh quen thuộc sang một bối cảnh hoàn toàn mới.

- Phân tích (analysis) là khả năng tách một tập hợp thành các yếu tố nhỏ hơn để xem xét chúng có bao nhiêu yếu tố, giữa các yếu tố mối quan hệ ra sao, cách thức tổ chức và sắp xếp chúng như thế nào.

- Tổng hợp (synthesis) là khả năng tập hợp các yếu tố, các mối quan hệ trừu tượng theo một trật tự, một lô gic nào đó để hình thành một tổng

thể, một vấn đề.

- Đánh giá (evaluation) khả năng đưa ra những phán xét về chất lượng, số lượng trên cơ sở các tiêu chí bên trong và tiêu chí bên ngoài.

Chính Bloom và đồng nghiệp cũng nhận ra rằng thang nhận thức này có hạn chế của nó và sau đó Bloom, Krathwhol và Masia cùng tiếp tục xây dựng thang phân loại xúc cảm (Affective Domain Taxonomy) dựa trên định đề là có những hành vi có thể quan sát và đo đạc được. Theo Bloom, lĩnh vực xúc cảm bao gồm các mục tiêu miêu tả những biến đổi về hứng thú, TĐ, giá trị cũng như những tiến triển về đánh giá và khả năng thích nghi. Thang phân loại xúc cảm chia thành 5 mức độ để đánh giá như sau:

- Chấp nhận (Receiving) là mức độ tham gia một cách thụ động vào một số sự kiện và tác nhân kích thích.

- Phản ánh lại (Responding) là mức độ phản ứng lại trên mức chú ý đơn thuần bằng cách cố gắng khám phá thêm và thích thú đáp lại.

- Đánh giá (Valuing) là mức độ thể hiện TĐ nhận xét, phê phán những thông tin vừa tiếp nhận được của HS.

- Tổ chức (Organizing) là mức độ biết ghi nhận những giá trị chủ yếu, khác biệt và sắp xếp lại theo hệ thống.

- Tiếp thu (Internalizing) là mức độ chuyển các giá trị tiếp nhận được thành giá trị của cá nhân HS, trở thành cách ứng xử hay hành vi tự thân của cá nhân.

Tuy nhiên, trong thực tiễn vận dụng vào đánh giá KQHT các môn học của HS, chúng tôi nhận thấy cách chia các mức độ theo thang Bloom như trên có những điểm khó vận dụng.

Với thang nhận thức, mức độ 1, có thể hiểu là mức độ thấp nhất, chỉ dùng để đo năng lực nhớ và tái hiện. Mức 2 và 3 rất khó tách bạch vì nội hàm của 2 mức độ này chồng chéo lên nhau. Thực chất đó là sự vận dụng (tái tạo lại) những KT đã biết theo những yêu cầu khác nhau, hoặc theo một quan điểm mới, một trật tự mới và cũng đồng nghĩa với việc di chuyển KT từ bối cảnh quen thuộc sang một bối cảnh hoàn toàn mới. Các mức độ 4, 5, 6 thực chất là sự vận dụng những KT vào giải quyết một vấn đề cụ thể nào đó nhưng ở mức cao hơn và mang nghĩa là sự làm chủ KT của cá nhân.

Với thang phân loại xúc cảm, việc vận dụng 5 mức độ cũng có những khó khăn khi khu biệt mức độ 4 và 5. Theo chúng tôi khi người học đã biết ghi nhận những giá trị chủ yếu, khác biệt và sắp xếp lại theo hệ thống cũng có nghĩa là đã biết chuyển các giá trị tiếp nhận được thành giá trị của cá nhân.

Vì những lí do trên, trong thực tiễn kiểm tra

và đánh giá KQHT môn Ngữ văn ở trường THCS và THPT hiện nay, trên cơ sở thang phân loại của Bloom chúng tôi đã có những vận dụng cụ thể như sau để đo lường kết quả học tập.

Để đo lường kết quả nhận thức, tiếp thu KT của HS trung học thường sử dụng 3 mức độ với nội hàm cụ thể như sau:

- Mức 1: Biết (knowledge) là khả năng nhớ và nhắc lại những KT đã học.

- Mức 2: Thông hiểu (comprehension) là khả năng chuyển đổi, giải thích, cắt nghĩa, sắp xếp, diễn đạt những KT đã học theo những yêu cầu khác nhau, hoặc theo một quan điểm mới, một trật tự mới.

- Mức 3: Vận dụng (application) là khả năng vận dụng tổng hợp những KT vào giải quyết một vấn đề cụ thể nào đó mang nghĩa là sự làm chủ KT của cá nhân.

Với 3 mức độ còn lại (phân tích, tổng hợp, đánh giá) chúng tôi thường vận dụng vào các đề kiểm tra tổng hợp dưới dạng bài tự luận, đặc biệt là ở các lớp cuối cấp THCS và các lớp cấp THPT.

Để đo lường TĐ của HS THCS và THPT sử dụng 4 mức độ với nội hàm cụ thể như sau:

- Mức 1: Chấp nhận (Receiving) TĐ tham gia thụ động, phụ thuộc.

- Mức 2: Đáp ứng (Responding) TĐ tham gia có sự quan tâm, chú ý và sẵn sàng đáp lại theo cách tán đồng hay phản đối.

- Mức 3: Đánh giá (Valuing) TĐ tham gia có hứng thú, biết nhận xét, phê phán đúng định hướng.

- Mức 4: Chủ động (initiative) TĐ tham gia chủ động, không cần những động lực kích thích từ bên ngoài, tức là những thông tin tiếp nhận được đã trở thành giá trị của cá nhân HS, trở thành cách ứng xử hay hành vi tự thân của cá nhân.

Để đo lường KN của HS THCS và THPT thường sử dụng 4 mức độ với nội hàm cụ thể như sau:

- Mức 1: Bắt chước là quan sát và lặp lại (máy móc) được một KN.

- Mức 2: Thao tác hóa, hoàn thành theo hướng dẫn một KN.

- Mức 3: Chuẩn hóa, có thể lặp lại một cách độc lập, nhịp nhàng, theo đúng trình tự (không cần hướng dẫn) và chính xác một hoặc nhiều KN.

- Mức 4: Tự động hóa, hoàn thành độc lập, dễ dàng, không cần cố gắng về trí tuệ, thể lực một hoặc nhiều KN.

Một thực tế khác cũng cần nhấn mạnh là nếu như phạm trù KT và KN có thể lượng hóa được và dễ đo, đếm hơn thì phạm trù TĐ lại khó

lượng hóa. Bởi TĐ và xúc cảm là những gì không ổn định, nó có diễn biến và không phải là miền đo nhất thành bất biến. Để có được những đánh giá chính xác khách quan về TĐ của HS bên cạnh việc xác định được TĐ chủ đạo của từng cá nhân cần phải tăng số lần quan sát, thu thập thông tin. Vì việc đánh giá TĐ rất công phu nên trong thực tiễn đánh giá hiện nay người ta thường tập trung nhất vào đánh giá các mức độ đạt được về KT, KN bỏ qua khâu đo các mức độ đạt được về TĐ và thường đưa ra các nhận xét chủ quan (không phải là kết quả qua đo).

**2. Việc cụ thể hoá thang nhận thức (Cognitive Domain Taxonomy) Bloom trong môn Ngữ văn**

Với thang nhận thức Bloom, việc cụ thể hoá các mức độ nhận thức vào thực tiễn đánh giá KQHT của môn Ngữ văn như sau:

2.1. *Nhận biết (Knowledge)*: nhớ hay nhận ra các sự kiện, chi tiết, thuật ngữ, nhận định... dưới dạng đã được học (chưa cần phải giải thích hoặc sử dụng định luật ấy). Đây là mức độ thành quả thấp nhất trong lĩnh vực KT vì nó chỉ đòi hỏi vận dụng trí nhớ.

Người ta thường cụ thể hoá mức độ này bởi các động từ (nhằm thực hiện việc đo đạc và đánh giá) sau:

\* Trình bày, nêu, nhớ lại cốt truyện, các sự kiện, chi tiết, hình ảnh, thuật ngữ, nhận định...

\* Nhận ra (không cần giải thích) được các từ ngữ then chốt, hình ảnh, khái niệm...trong các tình huống đơn giản.

\* Liệt kê, sắp xếp trật tự từ, xác định các vị trí, các mối quan hệ đã biết giữa các yếu tố trong văn bản...

Thí dụ 1: Trình bày giá trị nội dung cơ bản của Truyện Kiều.

Thí dụ 2: Dòng nào nói đúng nhất điểm đặc sắc trong nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ của Nguyễn Du trong Truyện Kiều?

A. Sử dụng ngôn ngữ ca dao và ngôn ngữ văn học bình dân

B. Sử dụng ngôn ngữ văn học bác học và thành ngữ, tục ngữ

C. Sử dụng ngôn ngữ đời thường và ngôn ngữ ca dao

D. Sử dụng kết hợp ngôn ngữ văn học bình dân và ngôn ngữ văn học bác học

Mức độ này rất thuận lợi cho thiết kế các test TNKQ vào đánh giá KQHT môn Ngữ văn.

2.2. *Thông hiểu (Comprehension)*: là mức độ giải thích được ý nghĩa của những sự kiện, chi tiết, thuật ngữ, nhận định... bằng những KT, KN mà HS đã biết, đã học. Mức độ nhận thức này cao hơn mức độ nhận biết.

Người ta thường cụ thể hoá mức độ này bởi

các động từ sau:

\* Diễn tả bằng ngôn ngữ cá nhân về sự kiện, chi tiết, thuật ngữ, nhận định...; chuyển đổi từ hình thức ngôn ngữ này sang hình thức ngôn ngữ khác (Thí dụ, từ câu chữ sang sơ đồ, hoặc từ hình thức diễn đạt này sang hình thức diễn đạt khác...)

\* Biểu thị, minh hoạ, giải thích, chứng minh được ý nghĩa của các sự kiện, chi tiết, từ ngữ, hình ảnh, thuật ngữ, nhận định...

\* Lựa chọn, bổ sung, sắp xếp lại những thông tin cần thiết để giải quyết một vấn đề nào đó đã được học.

\* Sắp xếp lại trật tự các câu, đoạn trong bài văn, ...

Thí dụ 1: Vì sao nói Nguyễn Trãi là một nhân vật lịch sử vĩ đại?

Thí dụ 2: Điểm sáng tạo nhất trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của Nguyễn Du so với Thanh Tâm Tài nhân là gì?

A. Miêu tả nội tâm

B. Xây dựng ngôn ngữ đối thoại

C. Miêu tả ngoại hình

D. Miêu tả hành động

Mức độ này rất thuận lợi cho thiết kế các test TNKQ vào đánh giá KQHT môn Ngữ văn.

2.3. *Vận dụng (Application)*: mức độ vận dụng KT trong những tình huống cụ thể. Mức độ nhận thức này cao hơn hai mức độ trên.

Người ta thường cụ thể hoá mức độ này bởi các động từ sau:

\* So sánh các phương án sử dụng từ ngữ, hình ảnh,...

\* Phát hiện suy luận có sai lầm và sửa chữa

\* Vận dụng những KT, KN đã học vào giải quyết một vấn đề theo yêu cầu cụ thể.

\* Khái quát hoá, trừu tượng hoá một vấn đề từ tình huống quen thuộc sang tình huống, hoàn cảnh mới.

Thí dụ : Từ xuân nào trong các câu thơ sau được dùng theo nghĩa phái sinh (không phải là nghĩa gốc) ?

A. Xuân qua, trăm hoa rụng

Xuân tới, trăm hoa tươi. (Mãn Giác Thiền sư)

B. Ngày xuân con én đưa thoi

Thiếu quang chín chục đã ngoài sáu mươi.

(Nguyễn Du)

C. Mùa xuân người cầm súng

Lộc giắt đầy quanh lưng. (Thanh Hải)

D. Mùa xuân là tết trồng cây

Làm cho đất nước càng ngày càng xuân.

(Hồ Chí Minh)

Thường được vận dụng trong các test TNKQ đánh giá khả năng sử dụng ngôn ngữ, điền từ, cụm từ vào chỗ trống.

Phù hợp hơn với các dạng đề tự luận môn

Ngữ văn.

2.4. *Phân tích (Analysis)*: Là khả năng phân tách toàn thể thành các bộ phận cấu thành, xác định các mối quan hệ giữa các bộ phận, nhận biết được nguyên lí cấu trúc của các bộ phận. Đây là mức độ cao hơn mức vận dụng vì nó đòi hỏi sự thấu hiểu cả về nội dung lẫn kết cấu của tài liệu.

Người ta thường cụ thể hoá mức độ này bởi các động từ sau:

\* Phân tích các sự kiện, cái hay, cái đẹp của văn bản, hình ảnh...

\* Xác định và lí giải được mối quan hệ giữa các bộ phận trong toàn thể.

\* Cụ thể hoá những vấn đề trừu tượng, giải thích được nguyên nhân của các hiện tượng văn học, ngôn ngữ.

\* Nhận ra và lí giải được cấu trúc của các bộ phận trong một nhận định, một văn bản.

Mức độ này phù hợp hơn với dạng câu hỏi tự luận, khó thiết kế với dạng test TNKQ môn Ngữ văn.

2.5. *Tổng hợp (Synthesis)*: Là khả năng sắp xếp các bộ phận riêng rẽ lại với nhau để hình thành một toàn thể mới. Điều này có thể bao gồm việc tạo ra một chủ đề mới, một vấn đề mới, một mạng lưới các quan hệ mới (sơ đồ phân lớp thông tin). KQHT trong lĩnh vực này nhấn mạnh vào các hành vi sáng tạo, đặc biệt là trong việc hình thành các mô hình hoặc cấu trúc mới (tạo đoạn văn, bài văn).

Người ta thường cụ thể hoá mức độ này bởi các động từ sau:

\* Kết hợp nhiều chi tiết, nhận định riêng thành nhận định tổng thể hoàn chỉnh

\* Khái quát hoá những vấn đề cụ thể thành một vấn đề lớn hơn, tổng quát hơn.

\* Phát hiện các vấn đề, nhận định mới hoặc mở rộng vấn đề từ những gì quen thuộc, đã có.

Thường được sử dụng khi cần tổng hợp, khái quát nhận định về một nhân vật, sự kiện, tác giả, tác phẩm văn học... hay một hiện tượng ngôn ngữ, một cách thức tạo lập văn bản.

Mức độ này phù hợp hơn với dạng câu hỏi tự luận, khó thiết kế với dạng test TNKQ môn Ngữ văn.

2.6. *Đánh giá (Evaluation)*: Là khả năng xác định được các tiêu chí đánh giá khác nhau và vận dụng được chúng để đánh giá tài liệu. Đây là mức độ cao nhất của nhận thức vì nó chứa đựng các yếu tố của mọi mức độ nhận thức nêu trên.

Người ta thường cụ thể hoá mức độ này bởi các động từ sau:

\* Phân tích những yếu tố, dữ kiện đã cho để đánh giá sự thay đổi về chất của sự kiện

\* Nhận định nhân tố mới xuất hiện khi thay đổi các mối quan hệ cũ

\* Thể hiện quan điểm hay những phán xét cá nhân về giá trị của các tư liệu theo một mục đích xác định

\* Xác định được các tiêu chí đánh giá khác nhau (như hay, dở, tốt, xấu, đúng, sai...) và vận dụng được chúng để đánh giá một hiện tượng, một vấn đề văn học, đời sống.

Mức độ này phù hợp hơn với dạng câu hỏi tự luận, khó thiết kế với dạng test TNKQ môn Ngữ văn.

Ba mức độ sau thường được vận dụng vào đánh giá KQHT môn Ngữ văn qua dạng đề tự luận, HS phải suy nghĩ về một vấn đề nào đó theo yêu cầu của đề văn rồi vận dụng những KT đã có để trình bày quan điểm cá nhân. Với dạng bài này, HS phải cùng lúc vận dụng và thể hiện các mức độ nhận thức như phân tích, tổng hợp và đánh giá.

Trên đây là một số vấn đề về chuẩn và việc vận dụng chuẩn vào đánh giá KQHT môn Ngữ văn của HS THCS và THPT. Tuy nhiên việc vận dụng này cũng đang còn nhiều vấn đề cần phải nghiên cứu thêm vì kiểm tra đánh giá và nhất là kiểm tra đánh giá KQHT môn Ngữ văn là một phương diện rất nhạy cảm, đòi hỏi sự cẩn trọng và tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình kiểm tra đánh giá vốn đã rất chặt chẽ và mang tính khoa học.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nhiều tác giả - *Các vấn đề về đánh giá giáo dục (Dự án Việt Bỉ hỗ trợ học từ xa, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội, 2000.)*
2. Trần Kiều (chủ biên) - *Bước đầu đổi mới kiểm tra KQHT môn Ngữ văn của HS lớp 6, 7, 8, 9 NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003, 2004, 2005, 2006.)*
3. Nguyễn Quang Ninh, Nguyễn Viết Chữ, Nguyễn Thuý Hồng - *Bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên THPT về đổi mới PPDH môn Ngữ văn (Trường ĐHSP Hà Nội, 2005.)*

## SUMMARY

*The article presents issues related to the standards in evaluating student achievements and concretizing the scale of Bloom's classification in evaluating lower and upper secondary school student achievements in learning literature.*